

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2507 /QLD-KD
V/v đảm bảo cung ứng thuốc chống
dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp
Covid-19

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

KHẨN

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc.

Cục Quản lý Dược nhận được Công văn số 188/KCB-NV ngày 11/03/2020 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về việc tổng hợp nhu cầu phòng chống dịch Covid-19, trong đó, có danh mục nhu cầu thuốc thiết yếu điều trị cho tình huống 10.000 người bệnh mắc Covid-19.

Tiếp theo các Công văn số 826/QLD-KD ngày 31/01/2020 và số 939/QLD-KD ngày 05/02/2020 của Cục Quản lý Dược gửi các Cơ sở về việc đảm bảo cung ứng thuốc chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, để đảm bảo cung ứng đủ thuốc và kịp thời phục vụ nhu cầu phòng, chống dịch bệnh, Cục Quản lý Dược có ý kiến như sau:

Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc tăng cường nguồn cung ứng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh thuốc đảm bảo cung ứng kịp thời các thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu điều trị cho tình huống 10.000 người bệnh mắc Covid-19 cho các cơ sở khám, chữa bệnh.

(Xin gửi kèm Công văn số 188/KCB-NV ngày 11/03/2020).

Cục Quản lý Dược thông báo để các Đơn vị biết và khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư BCS Đảng BHYT (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT (để b/c);
- Vụ/ Cục: KHTC; KCB, YTDP; VPB (để p/h);
- CTr. Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- SYT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website Cục QLD;
- Lưu: VT, GT, KD.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**





**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ
KHÁM, CHỮA BỆNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *188* /KCB-NV
V/v tổng hợp nhu cầu
phòng, chống dịch COVID-19

Hà Nội, ngày *11* tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính

Cục Quản lý Khám chữa bệnh nhận được công văn số 1139/BYT-KHTC ngày 10/03/2020 của Vụ Kế hoạch Tài chính đề nghị rà soát nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ, thuốc phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong tình huống dịch lây trong cộng đồng với 10.000 người mắc. Cục Quản lý Khám chữa bệnh có ý kiến như sau:

1. Ngày 10/03/2020, Cục Quản lý Khám chữa bệnh đã tổ chức cuộc họp khẩn của Hội đồng chuyên môn hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm đường hô hấp cấp do COVID-19. Hội đồng đã thống nhất một số nội dung sau:

a) Nguyên tắc ước tính nhu cầu: dựa trên phân loại 10.000 NB nhiễm COVID-19:

- Số bệnh nhân mức độ vừa, nhẹ hoặc không triệu chứng: 8.000 NB (tỷ lệ là 80%).
- Số bệnh nhân mức độ nặng: 1.500 NB (tỷ lệ là 15%).
- Số bệnh nhân mức độ nguy kịch: 500 NB (tỷ lệ 5%).
- Số người cần được theo dõi, giám sát (do tiếp xúc với 10.000 NB): 90.000 người.

b) Nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ, thuốc thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong tình huống dịch lây trong cộng đồng với 10.000 người mắc (gửi kèm theo công văn).

c) Nhu cầu được Hội đồng chuyên môn ước tính tại điểm a, mục 1 là nhu cầu tổng thể, không xem xét đến số lượng sẵn có, khả năng huy động hoặc số lượng được mua dự trữ bởi các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Cục Quản lý Khám chữa bệnh kính đề nghị quý Vụ căn cứ vào nhu cầu, số lượng sẵn có, khả năng huy động hoặc số lượng được mua dự trữ bởi các cơ quan, đơn vị, địa phương và báo cáo của các cơ quan đơn vị về trang thiết bị, năng lực đáp ứng công tác phòng, chống dịch bệnh nCoV theo công văn số 471/BYT-KHTC và 473/BYT-KHTC ngày 05 tháng 02 năm 2020 để đề xuất số lượng cần bổ sung chung toàn quốc đáp ứng với cấp độ dịch 10.000 người mắc, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định. Công văn này của Cục QLKCB thay thế công văn số 177/KCB-NV ngày 07/03/2020 của Cục QLKCB.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Vũ Đức Đam, TB Chi đạo QGPCD COVID19
- Các Thứ trưởng (để b/cáo);
- Cục trưởng (để b/cáo);
- Cục QL Dược, Vụ TT&CTYT (để phối hợp);
- Lưu: VT, NV.

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký)
Lương Ngọc Khuê

NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU

điều trị cho tình huống 10.000 BN COVID-19

ST T	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Nhu cầu điều trị cho 500 BN nguy kịch	Nhu cầu điều trị cho 1.500 BN mức độ nặng	Tổng số nhu cầu	SỐ CÓ THỂ HUY ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG CẦN MUA
1	Máy thở chức năng cao	Cái	250	480	730	Là số báo cáo của các đơn vị theo yêu cầu báo cáo thống kê hiện trạng, nhu cầu và khả năng huy động của Vụ KHTC (CV 471, 473/BYT-KHTC)	Là hiệu số giữa tổng nhu cầu trừ đi số có thể huy động được
2	Máy thở cao tần (cho nhi khoa)	Cái	5	0	5		
3	Máy thở không xâm nhập	Cái	250	1500	1750		
4	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	Cái	25	30	55		
5	Máy lọc máu liên tục (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	Cái	50	0	50		
6	Hệ thống ECMO (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	Hệ thống	10	0	10		
7	Máy X quang di động	Cái	25	30	55		
8	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò	Cái	25	30	55		
9	Máy đo khí máu (đo được điện giải đồ, lactat, hematocrite)	Cái	25	30	55		
10	Máy theo dõi BN ≥ 5 thông số	Cái	500	1500	2000		
11	Máy theo dõi BN ≥ 3 thông số	Cái		0	0		
12	Máy đo độ bão hoà ô xy kẹp tay	Cái		1500	1500		
13	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	Hệ thống	25	30	55		
14	Bơm tiêm điện	Cái	2000	1500	3500		
15	Máy truyền dịch	Cái	2000	1500	3500		
16	Máy hút đờm	Cái	500	150	650		
17	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Cái		150	150		
18	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Cái		150	150		
19	Bộ đèn đặt nội khí quản thường	Bộ		0	0		
20	Bộ đèn đặt nội khí quản có camera	Bộ	50	30	80		
21	Bộ khí dung kết nối máy thở	Bộ	500	0	500		

202

22	Máy khí dung thường	Cái	50	300	350
23	Máy khí dung siêu âm	Cái	50	300	350
24	Máy tạo nhịp ngoài	Cái		0	0
25	Máy phá rung tim có tạo nhịp	Cái	50	30	80
26	Máy điện tim ≥ 6 kênh	Cái	25	30	55
27	Hệ thống nội soi phế quản	Hệ thôn g	25	0	25
28	Bộ mở khí quản	Bộ	50	0	50
29	Đèn thủ thuật	Cái	50	90	140
30	Máy lọc và khử khuẩn không khí (số lượng theo diện tích phòng): 1/1 phòng	Cái	125	300	425
31	Đèn cực tím	Cái	125	300	425
32	Xe ô tô cứu thương	Xe	15	0	15

9/8

1.02

NHU CẦU VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU

điều trị cho tình huống 10.000 BN COVID-19

ST T	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Nhu cầu điều trị cho 500 BN nguy kịch	Nhu cầu điều trị cho 1.500 BN mức độ nặng	Tổng số nhu cầu	SỐ CÓ THỂ HUY ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG CẦN MUA
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	hộp	50	250	300		
2.	Týp đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	hộp 50 cái	5000	15000	20000		
3.	Tăm bông mềm lấy bệnh phẩm mũi	hộp 100 cái	5000	1500	6500		
4.	Dây hút đờm kín	chiếc	2000		2000		
5.	Dây hút đờm thường	Chiếc	50000	1500	51500		
6.	Mask có túi	chiếc	12500	3500	16000		
7.	Mask thở máy không xâm nhập	Chiếc	1050		1050		
8.	RAM thở không xâm nhập (NCPAP)	Chiếc	1050		1050		
9.	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	chiếc	50000	3500	53500		
10.	Dây thở oxy	chiếc	50000	3500	53500		
11.	Quả lọc máu liên tục (1 quả/ngày/bn x 2 bn lọc máu x 12 ngày)	Quả	500		500		
12.	Catheter lọc máu	Cái	60		60		
13.	Quả ECMO	Quả	50		50		
14.	Catheter ECMO động mạch và tĩnh mạch	Bộ	100 (mỗi loại 50)		100		
15.	Dây máy thở dùng một lần	Bộ	25000		25000		
16.	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập	Bộ	500		500		
17.	Catheter động mạch (theo dõi HA xâm lấn)	Chiếc	500		500		



luc

18.	Túi đựng dịch thải lọc máu	Túi	250		250		
19.	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	Cái	500		500		
20.	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Cái	600		600		
21.	Catheter dẫn lưu màng phổi	Cái	50		50		
22.	Túi đo nước tiểu	Túi	1000	100	1100		
23.	Sonde foley	Cái	1000	100	1100		
24.	Điện cực dính	Cái	10000	100	10100		
25.	Phin lọc khuẩn và vi rút dây máy thở	Cái	25000		25000		
26.	Canuyn mở khí quản cỡ từ 3,5, 4, 4,5, 5, 5,5, 6, 6,5, 7, 7,5 và 8 (mỗi loại 05)	Chiếc			0		
27.	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	Bộ	50		50		
28.	Dây nối máy thở	Chiếc	25000		25000		

Handwritten signature

Handwritten signature

NHU CẦU THUỐC THIẾT YẾU
điều trị cho tình huống 10.000 người bệnh COVID-19

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Nhu cầu cho 500 BN nguy kịch	Nhu cầu cho 500 BN mức độ nặng	Tổng số	SỐ CÓ THỂ HUY ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG CẦN MUA
1	Immunoglobulin tĩnh mạch 2,5 g hoặc 5g (2 g/kg cân nặng x 50kg x 25 BN)	lọ	1,000		1,000		
2	Vancomycin 500mg	lọ	14,400	14,000	28,400		
3	Meropenem 500mg	lọ	7,000	7,000	14,000		
4	Imipenem/Cilastatin 500mg +500mg	lọ	7,000	7,000	14,000		
5	Ceftriaxon 1g/Cefotaxime 1g	lọ	7,000	21,000	28,000		
6	Levofloxacin 0,5 g	Lọ	7,000	21,000	28,000		
7	Cefazidime 1g	Lọ	7,000	21,000	28,000		
8	Cefoperazol 1g	Lọ	7,000	21,000	28,000		
9	Amikacin 0,5 g	Lọ	3,500	10,500	14,000		
10	Azithromycin 500mg	viên	3,500	4,500	8,000		
11	Azithromycin sirô 200mg/5ml	lọ					
12	Adrenalin 1mg/ml	ống	4,000		4,000		
13	Nor-adrenalin 1mg/ml	ống	1,000		1,000		
14	Milrinon 1mg/ml	lọ	2,500		2,500		
15	Dopamin 200mg/4ml	ống	1,000		1,000		
16	Dobutamin 250mg/20ml	ống	1,000		1,000		
17	Midazolam 5mg/ml	ống	120,000		120,000		
18	Mocphin 10mg/1ml	ống	250		250		
19	Fentanyl 0,5mg/10ml ; 0,1mg/2ml	ống	30,000		30,000		
20	Vecuronium 4mg	ống	10,000		10,000		
20	Atracium 2mg/ml	ống	10,000		10,000		
21	Heparin 5000 UI/ml/lọ	lọ	250		250		
22	Phenobacital 100mg/1ml/ống	ống					
23	Kaliclorid 10% ống	ống	12,000		12,000		
24	Calcigluconat/calciolorua 10%	ống	500		500		
25	Natribicacbonat 8,4% ống	ống	50,000		50,000		
26	Magiesulphat 15% ống 5ml	ống	12,000		12,000		
27	Albumin 20%/50ml	lọ	40,000		40,000		
28	Dịch lọc máu liên tục theo máy	túi	87,500		87,500		

l. ad

29	Natri clorid 0,9% 500ml	chai	100,000	9,000	109,000		
30	Glucose 5% 500ml	chai	100,000	9,000	109,000		
31	Glucose 10% 500ml	chai	3,000	1,500	4,500		
32	Ringer lactat	chai	100,000	9,000	109,000		
33	Ringer lactat + Glucose	chai	10,000	9,000	19,000		

l. al

NHU CẦU PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN
điều trị cho tình huống 10.000 người bệnh COVID-19

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Cần cứ mức	Căn cứ định	Tuyên Huyện (90.000 BN cách ly = 22500 buồng cách ly)	Số lượng (tuyên Tỉnh, TU) (10.000 BN cách ly = 2500 buồng cách ly)	Tổng số	SỐ CÓ THẺ HUY ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG CÁN MUA
1.	Găng tay rửa bằng cao su, dùng nhiều lần	Đôi	9 đôi/10 buồng		20,250	2,250	22,500		
2.	Găng khám, dùng 01 lần	Đôi	10 đôi/BN/ngày		18,900,000	2,100,000	21,000,000		
3.	Găng tay vô khuẩn	Đôi	1 đôi/BN/ngày		1,890,000	210,000	2,100,000		
4.	Bộ quần áo chống dịch dùng 01 lần	Bộ	10 lượt/ngày/BCL		4,725,000	525,000	5,250,000		
5.	Khẩu trang y tế	Cái	3 chiếc/NVYT/ngày x 2335 NVYT (tuyên tỉnh tu); 21 000 NVYT tuyên huyện		1,323,000	147,105	1,470,105		
	Khẩu trang Việt Nam: theo TCVN 8389-2:2010								
	Khẩu trang Mỹ: theo Tiêu chuẩn ASTM F2100-11								
6.	Khẩu trang Châu Âu: theo tiêu chuẩn EN14683-2014								
	Mũ phẫu thuật trùm kín tai, cổ	Cái	10 lượt/ngày/BCL		4,725,000	525,000	5,250,000		

Code

7.	Bao giấy phòng mổ, dùng 01 lần	Đôi	10 lượt/ngày/BCL	4,725,000	525,000	5,250,000	
8.	Khẩu trang N95	Chiếc	10 lượt/ngày/BCL	4,725,000	525,000	5,250,000	
9.	Khăn giấy lau tay	Hộp/cuộn		Theo nhu cầu	Theo nhu cầu	Theo nhu cầu	
10.	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn	Chai 500 ml có vòi bơm	100ml/ngày/BCL	94,500	10,500	105,000	
				47.250 lít	5.250 lít	52,500	
11.	Dung dịch xà phòng	Chai 500 ml có vòi bơm		31.500 chai	3500 chai	35,000	
				15.750lít	(1.750 lít)	17,500	
12.	Khăn lau khử khuẩn bề mặt máy thở, monitor...	80 Cái/Hộp	5 hộp /ngày/20 buồng	118,125	13,125	131,250	
13.	Túi rác thải nguy hại	Cái		945,000	105,000	1,050,000	
14.	Chlorhexidine 0.12% súc miệng cho NVYT	Chai 200 ml		63,000	7,005	70,005	
15.	Túi đựng tử thi	Chiếc		900	100	1,000	